TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2019/HS-ST
Ngày: 15-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Kiên.
Ông Lò Văn Ơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lò Thị L, tên gọi khác: Không; sinh năm 1978, tại Điện Biên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản L, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; chỗ ở: Bản L, xã S, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D, sinh năm 1959 (đã chết) và con bà Ngô Thị T, sinh năm 1960; có bố nuôi: Lò Văn Gi, sinh năm 1942 và mẹ nuôi: Cầm Thị Ph, sinh năm 1942; chồng: Lò Thành B, sinh năm 1980 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2018 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

- Anh Cà Văn Ph, sinh năm 1992; địa chỉ: Đội 6, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Chị Cà Thị Ch, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 6, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người có nghĩa vụ liên quan: Anh Bạc Cầm C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đội 18, xã Th, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị L 1, sinh năm 1966, địa chỉ: Đội 20, xã N, huyện

Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Bị hại vắng mặt có lý do; Người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do; người làm chứng vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12/2017 qua quan hệ quen biết Cà Văn P có nói chuyện với Ngô Thị L 1, là giáo viên Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã H, huyện Điện Biên, muốn tìm người xin việc cho chị gái là Cà Thị Ch hiện đang là giáo viên thể dục dạy hợp đồng tại huyện Điện Biên Đông vào biên chế tại một trường ở huyện Điện Biên. Ngô Thị L 1 đã kể lại cho Lò Thị L và hỏi Lò Thị L có thể xin được việc cho Ch không, nghe chuyện Lò Thị L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Cà Văn Ph để chi trả các khoản nợ và chi tiêu cá nhân. Để tạo lòng tin Lò Thị L nói sẽ nhờ anh trai nuôi tên là Ph – Bí thư huyện ủy Điện Biên xin việc hộ. Sau đó Ngô Thị L 1 đã nói lại với Ph về cuộc nói chuyện và cho Ph số điện thoại của Lò Thị L để Ph chủ động liên lạc với Lò Thị L, ngày 08/12/2017 Ph gọi điện cho Lò Thị L tự giới thiệu là người muốn nhờ xin việc, Ph hỏi L về số tiền chi phí để xin việc, L trả lời "Để xin được việc cho Ch thì phải mất khoảng 150.000.000 đồng, đặt cọc trước từ mười đến hai mươi triệu". Cả hai hẹn nhau đến ngày 09/12/2017 cùng sang nhà Ngô Thị L 1 ở Đội 20, xã N, huyện Điện Biên để nói chuyện cụ thể, sau đó Ph bàn bạc với Ch và góp được 50.000.000 đồng để lo xin việc cho Ch. Chiều ngày 09/12/2018 Ph, Ch và Lò Thị L đến nhà Ngô Thị L 1 như đã hẹn, khi đến nơi thấy không có ai ở nhà, mọi người tự vào quán máy xay sát ở ngoài sân để nói chuyện, L hứa sẽ xin việc cho Ch trong đợt tuyển dụng tháng 01 năm 2018, Ph và Ch giao trước cho Lò Thị L 20.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc hai bên có viết giấy vay tiền. Đến chiều ngày 10/12/2017 Ph gọi điện lại cho Lò Thị L hỏi hồ sơ của Ch có chắc chắn xin được việc không, nếu không sẽ đặt thêm tiền, Lò Thị L đồng ý và bảo Ph đặt thêm 30.000.000 đồng nữa, cả hai hẹn nhau ngày 12/12/2017 sẽ đến nhà Ngô Thị L 1 để giao, nhận tiền. Chiều ngày 12/12/2017 Ph đến nhà Ngô Thị L 1 đưa thêm 30.000.000 đồng cho Lò Thị L, Ph và Lò Thị L thống nhất bỏ giấy vay tiền ban đầu, Lò Thị L tự tay viết lại thành một giấy vay 50.000.000 đồng của Cà Văn Ph có chữ ký của Ngô Thị L 1 với tư cách người làm chứng.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của Ph và Ch, Lò Thị L mang trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 14/12/2017 Ph đi xem số báo danh thi công chức cho Ch nhưng không thấy tên Ch trong danh sách dự thi nên đã đến tìm Lò Thị L để đòi lại tiền nhưng L không trả. Ngày 20/8/2018 sau nhiều lần đòi tiền Lò Thị L không được Ph đã làm đơn trình báo sự việc trên với Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên.

Ngày 18/11/2018 do điều kiện công tác nên Cà Văn Ph đã ủy quyền cho Cà Thị Ch tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị L đã khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung vụ án và các tài liệu

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo của bị hại, giấy vay tiền, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Kết luận giám định; Các bản cung (biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung, bản tự khai; phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, người có nghĩa vụ liên quan) có trong hồ sơ vụ án; Kết luận điều tra; Cáo trạng truy tố....

Kết luận giám định số 792/GĐ-PC54 ngày 18/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận mẫu gửi giám định gồm 01 giấy vay tiền đề ngày 12/12/2017, giấy vay tiền đề ngày 29/01/2018 và mẫu so sánh là "Bản tự khai" đề ngày 31/8/2018 của Lò Thị L. Kết luận giám định: Với chữ ký, chữ viết đứng tên Lò Thị L trên là do cùng một người ký, viết ra. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị L không khiếu nại về kết luận giám định.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT- VKSĐB ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm e, Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) đến 60 (sáu mươi) tháng; Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S và gia đình để giáo dục, quản lý. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 3, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo và các bị hại về việc bồi thường thiệt hại. Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS 2015 và Điểm a, f Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

Bị cáo Lò Thị L nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, không có ý kiến gì tranh luận.

Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị hại đã nhận được số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 20.000.000 đồng các bị hại đồng ý cho bị cáo trả dần mỗi tháng 6.000.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi suất của số tiền còn lại 20.000.000đ và không yêu cầu gì khác.

Người có nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, cam đoan khai đúng sự thật như trong hồ sơ vụ án, không thay đổi gì về lời khai.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi của bị cáo được chứng minh như sau: Bị cáo Lò Thị L không có nhiệm vụ quyền hạn trong việc tuyển dụng cán bộ công chức vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước, nhưng để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, bị cáo L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Đầu tháng 12/2017 do qua sự giới thiệu của bà Ngô Thị L 1 giáo viên cùng trường, Cà Văn Ph và Cà Thị Ch đã tìm gặp Lò Thị L để đặt vấn đề xin việc làm, ngày 8/12/2017 Ph đã gọi điện cho L để trao đổi sự việc, L nói "Để xin được việc cho Ch thì phải mất khoảng 150.000.000 đồng, đặt cọc trước từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng", L đã dùng những lời nói gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật là có mối quan hệ thân thiết với người có chức vụ, quyền hạn nên bản thân L có khả năng xin được việc, Ph và Ch đã tin tưởng nên hẹn đến ngày 09/12/2017 và ngày 12/12/2017 tại nhà riêng của Ngô Thị L 1 ở Đội 20, xã N, huyện Điện Biên, bị cáo Lò Thị L đã nhận số tiền là 50.000.000 đồng của Ph và Ch

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị L một lần nữa khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, giấy vay tiền và phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội thấy rằng: Bị cáo Lò Thị L thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Thị L từ nhỏ được vợ chồng ông Lò Văn Gi, bà Cầm Thị Ph nhận làm con nuôi và trực tiếp nuôi dưỡng, nuôi ăn học, làm giấy khai sinh mang họ Lò, bị cáo học hết lớp 12/12 sau đó đi học trường Cao Đẳng sư phạm tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên), ra trường xin việc tại trường tiểu học Hoàng Công Chất, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Tháng 9/2015 đi tăng cường tại Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Tháng 9/2017 có quyết định chuyển công tác vào Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã H, huyện Điện Biên. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên

tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo", các ngày 15/01/2019, 02/02/2019 bị cáo đã tự nguyện đến nhà các bị hại để bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng gia đình các bị hại đã nhất trí cho bị cáo thu xếp trả dần hàng tháng; Ngoài ra bị cáo còn có bố chồng là ông Lò Duy B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và mẹ chồng là bà Lù Thị P được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; ngày 02/02/2019 bị hại có đơn đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lò Thị L có đủ điều kiện được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định Điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật Việt Nam, nên cần phải có một hình phạt vừa nhằm răn đe, vừa giáo dục đối với bị cáo, vừa cho bị cáo một cơ hội để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo nghiện ma túy, một mình nuôi hai con nhỏ, bản thân bị cáo sức khỏe yếu do bị bệnh tim bẩm sinh, bị cáo đã thay van tim nhân tạo, nguồn thu nhập dựa vào đồng lương. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lò Thị L đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của Cà Thị Ch và Cà Văn Ph số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 15/01/2019 bị cáo L đã hoàn trả cho các bị hại số tiền 10.000.000 đồng, ngày 02/02/2019 bị cáo L hoàn trả tiếp cho các bị hại tiếp số tiền là 20.000.000 đồng, tổng là 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại chưa bồi thường là 20.000.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ tội cho bị cáo và tự nguyện đồng ý cho bị cáo trả số tiền còn lại mỗi tháng 06 triệu đồng, bắt đầu trả từ tháng 02/2019 cho đến khi hết số tiền còn lại, ngoài ra không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền lãi từ số tiền còn lại và thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 3, Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

[7]. Bà Ngô Thị L 1 là người đã giới thiệu Ph và Ch cho bị cáo L để nhờ xin việc, đã ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng nhưng không biết việc bị cáo L có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ph và Ch, nên hành vi của bà Ngô Thị L không cấu thành tội phạm. HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

[8]. Bị cáo khai đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng để sử dụng một phần tiền để trả nợ cho Bạc Cầm C là người đã cho bị cáo vay tiền trước đó, xét thấy C không biết số tiền L mang trả cho C là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý đối với C.

[09]. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS 2015 và Điểm a, f Khoản 1

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bi cáo Lò Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo và các bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về việc bồi thường số tiền còn lại là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trước khi mở phiên tòa, do vậy bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm e, Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 69 Luật thi hành án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Lò Thị L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/02/2019).

Giao bị cáo cho UBND xã S huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 3, Điều 584, 585, Khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị hại và bị cáo về việc đồng ý cho bị cáo bồi thường dần vào hàng tháng mỗi tháng 6.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 20/02/2019 cho đến khi hết số tiền 20.000.000đ còn lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án của những người được thi hành án, nếu bị cáo Lò Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại thì phải trả tiền lãi suất cho họ theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS 2015 và Điểm a, f Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bi cáo Lò Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/02/2019). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính/.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên
- VKSND huyện Điện Biên
- Bộ phận HSNV CA huyện ĐB
- Nhà tạm giữ, tạm giam CA huyện Điện Biên
- Trại giam
- Cơ quan THA. HS Công an huyện Điện Biên
- Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên
- UBND xã Sam Mứn.
- Bị cáo
- Bị hại
- Tòa án tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- L- u hồ THA – HS; Lưu Hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Ơn	**Vũ Thị Thanh Thủy**	**Bạc Thị Kiên**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Trần Văn Xuyên	**Vũ Thị Thanh Thủy**	**Lường Văn Hịa**